|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG THCS …….. | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | |
| **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |  |
| **KẾ HOẠCH DẠY HỌC (TỔ CHUYÊN MÔN)** | | | |
| **MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7– Nội dung Sinh học (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)** | | | |
| **NĂM HỌC 2022-2023** | | | |
|  | | | |
|  |  |  |  |
| ***I. Đặc điểm tình hình:*** | |  |  |
| - Đa số các Em học sinh ngoan, có ý thức ham học tập, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên. | | | |
| - Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn khá vững vàng, có ý thức đổi mới, tìm tòi, học hỏi để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | | | |
| - Nhà trường được trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị dạy học, không gian thoáng mát, đảm bảo cho giảng dạy và học tập. | | | |
| - Nhà trường có đầy đủ các phòng chức năng, khuôn viên rộng rãi, sạch đẹp, vị trí các phòng thoáng mát, đủ ánh sáng. Có đầy đủ các thiết bị dạy học, đáp ứng tốt hoạt động dạy học và giáo dục. | | | |
| ***II. Kế hoạch dạy học*** | |  |  |
| **1. Phân phối chương trình- Phân môn Sinh học** | | | |
| *Học kỳ I: 2 tiết/ tuần x 18 tuần = 36 tiết;*  *Học kỳ II: 2 tiết/ tuần x 7 tuần = 14 tiết; 1 tiết/ tuần x 10 tuần = 10 tiết.* | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | |  |  | | |
| **Học kỳ I : 2 tiết/ tuần x 18 tuần = 36 tiết** | | | | | | | |
| **Tuần dạy** | | **Thứ tự tiết dạy** | **Tên bài học** | | | **Phân tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| (1) | | | (2) | (3) |
| **CHƯƠNG VII: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA Ở SINH VẬT (30 TIẾT)** | | | | | | | |
| **1** |  | | Bài 21: Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng | | | 1 | – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |
|  | | Bài 22: Quang hợp ở thực vật | | | 2 | + Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |
| **2** |  | |
|  | | Bài 23: Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp | | | 2 | + Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp. |
| **3** |  | |
|  | | Bài 24: Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh | | | 2 | + Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |
| **4** |  | |
|  | | Bài 25: Hô hấp tế bào | | | 2 | + Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải. |
| **5** |  | |
|  | | Bài 26: Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào | | | 2 | + Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào |
| **6** |  | |
|  | | Bài 27: Thực hành: Hô hấp ở thực vật | | | 2 | + Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |
| **7** |  | |
|  | | Bài 28: Trao đổi khí ở sinh vật | | | 3 | – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). |
| **8** |  | |
|  | |
| **9** |  | | **Ôn tập giữa học kì I** | | | 1 |  |
|  | | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kì I** | | | 1 |  |
| **10** |  | | Bài 29: Vai trò của nước | | | 3 | – Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  – Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. |
|  | |
| **11** |  | |
|  | | Bài 30: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật | | | 4 | – Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống);  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật;  – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |
| **12** |  | |
|  | |
| **13** |  | |
|  | | Bài 31: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật | | | 4 | – Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.  – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). |
| **14** |  | |
|  | |
| **15** |  | |
|  | | **Ôn tập cuối học kì I** | | | 1 |  |
| **16** |  | | **Kiểm tra cuối học kì I** | | | 1 |  |
|  | | Bài 32: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước. | | | 2 | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước; |
| **17** |  | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG VIII: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT (6 TIẾT)** | | | | | |
| **17** | 34 | | Bài 33: Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật | 2 | – Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh hoạ.  – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. |
| **18** | 35 | |
| 36 | | Bài 34: Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn | 2 | – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |
|  |  | |  |  |
| **Học kỳ II: 2 tiết/ tuần x 7 tuần = 14 tiết; 1 tiết/ tuần x 10 tuần = 10 tiết.** | | | | | |
| 19 | 37 | | Bài 34: Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn | 2 | – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |
|  | 38 | | Bài 35: Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật | 2 | – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc).  – Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |
| 20 | 39 | |  |  |  |
| **CHƯƠNG IX: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT ( 7TIẾT)** | | | | | |
| 20 | 40 | | Bài 36: khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | 2 | – Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.  – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.  – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |
| 21 | 41 | |
| 42 | | Bài 37: Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật vào thực tiễn | 3 | – Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).  – Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).  – Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). |
| 22 |  | |
| 43 | |
| 44 | |
| 23 | 45 | | Bài 38: Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật | 2 | – Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. |
| 46 | |
| 24 | **CHƯƠNG X: SINH SẢN Ở SINH VẬT ( 10 TIẾT)** | | | | |
| 47 | | Bài 39: Sinh sản vô tính ở sinh vật | 3 | – Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.  – Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  – Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.  – Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |
| 48 | |
| **25** | 49 | |
| **50** | | **Ôn tập giữa học kỳ II** | 1 |  |
| **26** | **51** | | **Kiểm tra đánh giá giữa học kì II** | 1 |  |
| **27** | 52 | | Bài 40: Sinh sản hữu tính ở sinh vật | 3 | – Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  – Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng).  – Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn. |
| 28 | 53 | |
| 29 | 54 | |
| 30 | 55 | | Bài 41: Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật | 2 | – Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật.  – Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |
| 31 | 56 | |
| **32** | **57** | | **Ôn tập cuối học kì II** | 1 |  |
| 33 | **58** | | **Kiểm tra đánh giá cuối học kì II** | 1 |  |
| 34 | 59 | | Bài 41: Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) | 1 | – Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |
| 35 | 60 | | Bài 42: Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất | 1 | – Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |
|  | | **Tổng kỳ II** | **24 tiết** |  |
|  | | **TỔNG CẢ NĂM** | **60 tiết** | ( Bao gồm cả ôn tập và kiểm tra) |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | ***…….. , ngày 28 tháng 07 năm 2022*** | |  |
|  | **PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG** | |  | **TỔ TRƯỞNG** | |  |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** | |  | (Ký, ghi rõ họ tên) | |  |
|  | (Ký, đóng dấu) | |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |